

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ VĨNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26 /NQ-HĐND

Vĩnh Hòa, ngày 26 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
thu, chi ngân sách địa phương năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VĨNH HÒA
KHÓA XII, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn và dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 đối với các xã;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 51-TB/ĐU ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thống nhất chủ trương dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Theo đề nghị của UBND xã tại Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 04/BC-KT-NS ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất chủ dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán thu NSNN trên địa bàn: 16.300.000.000 đồng, gồm:

- Thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh 3.330.000.000 đồng.
- Lệ phí trước bạ 5.950.000.000 đồng.
- Thu phí và lệ phí 500.000.000 đồng.
- Thuế thu nhập cá nhân 2.970.000.000 đồng.
- Thu tiền sử dụng đất 1.400.000.000 đồng.
- Thu khác 2.150.000.000 đồng.

2. Tổng thu NSNN xã hưởng: 256.974.000.000 đồng, gồm:

- Thu được hưởng theo phân cấp: 11.883.000.000 đồng.
- Thu bổ sung nguồn CCTL: 53.882.000.000 đồng.
- Thu bổ sung cân đối: 182.080.000.000 đồng.
- Thu bổ sung mục tiêu: 9.129.000.000 đồng.

3. Dự toán chi NSNN

Tổng chi NSNN là 256.974.000.000 đồng, cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển: thu tiền sử dụng đất 833.000.000 đồng;
- Chi thường xuyên: 242.152.000.000 đồng;
- Chi dự phòng ngân sách xã: 4.860.000.000 triệu đồng;
- Chi bổ sung có mục tiêu: 9.129.000.000 đồng.

4. Cân đối thu - chi ngân sách năm 2025

a) Tổng thu ngân sách địa phương được sử dụng: 256.974.000.000 đồng, gồm:

- Thu cân đối ngân sách xã: 11.883.000.000 đồng;
- Thu bổ sung nguồn cải cách tiền lương: 53.882.000.000 đồng;
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 191.209.000.000 đồng;

b) Tổng chi ngân sách địa phương: 256.974.000.000 đồng.

(kèm theo mẫu 15,16,17)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân xã giao Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Hòa Khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 26 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký. *Phạm Văn*

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các ban của HĐND xã;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trương Trọng Thế
Trương Trọng Thế



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Nghị định 31/2017/NĐ-CP, ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Chính phủ)

(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch HĐND xã Vinh Hòa)

Đơn vị: 1.000 đồng

S T T	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH	156.057.000	298.795.398	256.974.000	-86.201.398	86,00%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	2.960.000	2.122.671	11.883.000	9.760.329	559,81%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	143.595.000	255.781.735	182.080.000	-73.701.735	71,19%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	143.595.000	143.595.000	182.080.000	38.485.000	126,80%
-	Thu bổ sung có mục tiêu		112.186.735		-112.186.735	0,00%
-	Thu bổ sung có mục tiêu XDCB				0	
3	Thu kết dư	-	3.697.597	-	-3.697.597	-
4	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang	-	27.691.395	-	-27.691.395	-
5	Thu bổ sung nguồn CCTL	9.502.000	9.502.000	53.882.000		5,67
6	Thu các chương trình mục tiêu			9.129.000	9.129.000	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	190.855.082	241.395.808	256.974.000	31.815.766	
I	CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	156.057.000	209.194.579	256.974.000	47.779.421	164,67%
1	Chi đầu tư phát triển		8.822.642	833.000	-7.989.642	
2	Chi thường xuyên	152.581.000	197.993.031	237.911.000	39.917.969	155,92%
3	Chi dự phòng ngân sách	3.060.000	2.378.906	4.860.000	2.481.094	158,82%
4	Chi tiết kiệm 10%	416.000		4.241.000	4.241.000	1019,47%
5	Chi bổ sung mục tiêu			9.129.000	9.129.000	
II	Chi nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	34.798.082	32.201.229		-15.963.655	0,00%
1	Kinh phí tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã (03 đợt)	3.500.000	3.459.498		(3.459.498)	0%
2	Kinh phí tổ chức Đại hội Đảng nhiệm kỳ 2025-2030 cho UBND các xã, phường, đặc khu	1.161.000	1.161.000		(1.161.000)	0%
3	Kinh phí hỗ trợ người dân nhân dịp 80 năm ngày cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 02-9	5.121.700	4.986.000		(4.986.000)	0%
4	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách Nghị định 178 đợt 6	2.525.440	2.525.440		(2.525.440)	0%
5	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách Nghị định 178 đợt 31-8	10.322.866	10.322.866		(10.322.866)	0%

S T T	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
6	Bổ sung, điều chỉnh thông tin đối tượng và dự toán kinh phí thực hiện chế độ chính sách theo Nghị định 178/2024	1.020.291	1.020.291		(1.020.291)	0%
7	Kinh phí tổ chức đại hội đại biểu MTTQ Việt Nam lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030	114.850	114.850		(114.850)	0%
8	Kinh phí Thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội 6 tháng cuối năm 2025	6.308.000	6.308.000		(6.308.000)	0%
9	Kinh phí thực hiện nghị định 112/2024/NĐ-CP	4.648.000	2.303.284		(2.303.284)	0%
10	Kinh phí Đại hội Đảng lần 2	75.935		-	-	0%
C	CÂN ĐỐI THU - CHI (A-B)	(34.798.082)	57.399.590			



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Nghị định 31/2017/NĐ-CP, ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Chính phủ)

(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch HĐND xã Vinh Hòa)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	15.585.000	15.585.000	16.300.000	16.300.000	104,59%	104,59%
I	Các khoản thu cân đối nsnn	15.585.000	15.585.000	16.300.000	16.300.000	104,59%	104,59%
1	Thuế khu vực doanh nghiệp Nhà nước	135.000	135.000	-	-	0,00%	0,00%
	- Thuế VAT	115.000	115.000			0,00%	
	- Thuế TNDN	20.000	20.000			0,00%	0,00%
2	Thuế CTN ngoài quốc doanh	3.240.000	3.240.000	3.330.000	3.330.000	102,78%	102,78%
	- Thuế VAT	2.740.000	2.740.000	2.900.000	2.900.000		
	- Thuế TNDN	400.000	400.000	350.000	350.000	87,50%	
	- Thuế Tài nguyên	100.000	100.000	80.000	80.000	80,00%	80,00%
3	Lệ phí trước bạ	5.280.000	5.280.000	5.950.000	5.950.000	112,69%	113%
4	Thu phí và lệ phí	640.000	640.000	500.000	500.000	78,13%	78%
5	Thu phí bảo vệ môi trường		-		-		
6	Thu thuế tài nguyên						
7	Thuế thu nhập cá nhân	3.810.000	3.810.000	2.970.000	2.970.000	77,95%	77,95%
8	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	20.000	20.000		-	0,00%	0,00%
9	Thu tiền sử dụng đất	1.510.000	1.510.000	1.400.000	1.400.000	92,72%	92,72%
10	Thu khác	950.000	950.000	2.150.000	2.150.000	226,32%	226,32%



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Nghị định 31/2017/NĐ-CP, ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Chính phủ)

(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch HĐND xã Vinh Hòa)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	156.057.000	256.974.000	100.917.000	165%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	156.057.000	247.845.000	91.788.000	159%
I	Chi đầu tư phát triển		833.000	833.000	
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			-	
	- Chi đầu tư từ nguồn vốn giao thông nông thôn			-	
	- Lĩnh vực giáo dục và đào tạo			-	
	- Lĩnh vực quản lý nhà nước			-	
	- Lĩnh vực nhà ở người có công			-	
	- Vốn giao thông nông thôn			-	
	- Chi từ nguồn thu sử dụng đất		833.000	833.000	
II	Chi thường xuyên	152.997.000	242.152.000	89.155.000	158%
	Trong đó:			-	
1	Sự nghiệp giáo dục	115.651.000	149.032.000	33.381.000	129%
2	Sự nghiệp môi trường		2.500.000	2.500.000	
3	Sự nghiệp phát thanh- truyền hình		200.000	200.000	
4	Sự nghiệp VH TT		350.000	350.000	
5	Sự nghiệp Thể dục - Thể thao		350.000	350.000	
6	Chi đảm bảo xã hội		13.669.000	13.669.000	
7	Chi quản lý hành chính	37.346.000	38.992.000	1.646.000	104%
8	Chi An ninh		3.029.000	3.029.000	
9	Chi Quốc Phòng		4.049.000	4.049.000	
10	Chi sự nghiệp kinh tế		13.588.000	13.588.000	
	Sự nghiệp Kiến thiết thị chính		1.200.000	1.200.000	
	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa ND 112		8.388.000	8.388.000	
	Kinh phí sự nghiệp giao thông		2.000.000	2.000.000	
	Hỗ trợ nâng cấp đô thị		2.000.000	2.000.000	
11	Chi khác		3.391.000	3.391.000	
12	Kinh phí đào tạo		300.000	300.000	
13	Kinh phí người hoạt động không chuyên trách xã, ấp		12.702.000	12.702.000	
III	Kinh phí nguồn dự phòng	3.060.000	4.860.000	1.800.000	159%
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU		9.129.000	9.129.000	
C	CHI KẾT DƯ VÀ CHUYỂN NGUỒN	-	-		